

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP.C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2023/DS-ST.

Ngày: 12-6-2023.

V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông N V N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn K

2. Bà Bùi T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Q, thư ký Tòa án.

Trong ngày 12/6/2023, tại Tòa án nhân dân TP.C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 454/2022/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2022, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2023/QĐXXST-DS, ngày 15 / 5 / 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp Mỹ Tây 2, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà V: Ông Dương Hoàng V, sinh năm 1965, địa chỉ: số 249, ấp Nguyễn Cửu, xã Nhị Mỹ, xã M, huyện C, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/6/2021).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1954

Địa chỉ: số 202, tổ 9, ấp Hòa Khánh, xã Hòa An, TP.C , tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn M, sn 1958

Địa chỉ hiện nay: số 202, tổ 9, ấp Hòa Khánh, xã Hòa An, TP.C , tỉnh Đ.

Ông Dương Hoàng V có mặt;

Bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu V trình bày:

Ngày 03/8/2020, bà V cho bà B vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, bà B có ký tên vào biên nhận, thời hạn ba tháng. Hết hạn trả nợ nhưng bà B không trả tiền. Nay yêu cầu bà Phạm Thị B trả tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 03/8/2020 đến ngày 03/9/2022 là 25 tháng, mức lãi 1,66/tháng, tiền lãi là 2.075.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi 7.075.000 đồng.

Tại phiên tòa ông V trình bày: Vợ chồng bà B và ông M cùng ký tên vay tiền 5.000.000 đồng, thời hạn ba tháng, từ ngày vay đến nay không trả vốn và không đóng lãi. Nay yêu cầu bà B và ông M liên đới trả cho bà V tiền vốn 5.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

- Đối với bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M: Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do Phạm Thị B và ông Trần Văn M vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà B, ông M.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu V tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP.C , tỉnh Đ.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Trần Thị Thu V, yêu cầu bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M có trách nhiệm liên đới trả tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà V có ông V đại diện trình bày, ngày 03/8/2020, bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M (chồng bà B) ký tên vào biên nhận vay của bà V số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/tháng, nhưng từ ngày vay tiền đến nay bà B, ông M không trả vốn và không đóng lãi suất. Nay bà V yêu cầu bà B, ông M liên đới trả số tiền vốn 5.000.000 đồng.

Đối với bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M: Tòa án nhân dân TP.C đã tổng đạt hợp lệ nhưng đến nay bà B, ông M không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, theo biên nhận (mượn tiền) ngày 03/8/2020, bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M (chồng bà B) cùng ký tên vào biên nhận vay của bà V số tiền 5.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất, không thể hiện thời hạn trả nợ, đến nay không trả tiền vốn và không đóng lãi. Bà Phạm Thị B, ông Trần Văn M đã nhận hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà B, ông M không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thể hiện bà B, ông M từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bà V yêu cầu bà B và ông M có trách nhiệm liên đới trả số tiền 5.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu V. Buộc bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền vốn 5.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện bà V yêu cầu tiền lãi từ ngày 03/8/2020 đến ngày 03/9/2022 là 25 tháng, mức lãi 1,66/tháng, tiền lãi là 2.075.000 đồng. Tại phiên tòa ông V rút yêu cầu trả tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Bà Trần Thị Thu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận yêu cầu bà Trần Thị Thu V;

Buộc bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Thu V số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Trần Thị Thu V về trả tiền lãi.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị B và ông Trần Văn M có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Thu V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí tòa án số 0011873, ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.C , Đ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

